

Đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của vốn tri thức tới kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại

NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**
NGUYỄN PHƯƠNG ANH***

Tóm tắt:

Trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức, việc quan tâm, đầu tư cho vốn tri thức là rất cần thiết và đặc biệt quan trọng đối với lĩnh vực ngân hàng - nơi nhiều hoạt động cần tới vốn tri thức. Nghiên cứu tập trung làm rõ mối quan hệ giữa vốn tri thức với kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại để tìm ra cơ chế tác động biện chứng của nó. Từ đó, đề xuất mô hình nghiên cứu cho việc lượng hoá mối quan hệ này.

Từ khóa: vốn tri thức, kết quả hoạt động, ngân hàng thương mại

Summary

In the context of knowledge-based economy, the attention and investment in intellectual capital is essential and especially important to the banking sector where many activities require intellectual capital. This study focuses on clarifying the relationship between intellectual capital and performance of commercial banks so as to find its dialectical impact and then propose a research model to quantify this relationship.

Keywords: intellectual capital, performance, commercial banks

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Tổng quan về vốn tri thức

Vốn tri thức là các tài nguyên vô hình, có khả năng chuyển hoá thành các giá trị trong tương lai, nhưng không có hình thái vật chất hoặc tài chính (Lev, 2001). Vốn tri thức được xác lập dựa trên năng lực chuyển đổi tri thức và các tài sản vô hình của một tổ chức để hình thành các giá trị, bằng cách sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và vốn cấu trúc (B.A. Jacob, 2005). Vốn tri thức của một tổ chức được xem như tài nguyên có giá trị nhất, thuộc về tài sản vô hình quan trọng và là nền tảng cho lợi thế cạnh tranh (Drucker, 1993). Vốn tri thức được xác định là một tập hợp các tài sản vô hình (tài nguyên, năng lực và lợi ích) dẫn dắt hoạt động của tổ chức và tạo ra giá trị (Bontis, 1998).

Vốn tri thức gồm 3 hợp phần: (i) Vốn nhân lực (năng lực của các thành viên, bao gồm: kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn và khả năng cá nhân); (ii) Vốn cấu trúc (được xem là xương sống của tổ chức, với: các chiến lược, quy trình, chính sách và hệ thống của tổ chức); (iii) Vốn quan hệ (liên quan đến mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác, như: khách hàng, nhà cung cấp, cơ quan quản

lý). Vốn tri thức biểu hiện ở 3 đặc trưng: (i) Vô hình; (ii) Kiến thức tạo ra giá trị; (iii) Ảnh hưởng của tập thể.

Trong ngành tài chính ngân hàng, vốn tri thức là nguồn vốn quan trọng trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức. Các thành phần của vốn tri thức tác động lẫn nhau tạo ra giá trị gia tăng và tài sản cho ngân hàng. Nếu giả định tiềm lực của các ngân hàng là như nhau, thì lợi thế cạnh tranh sẽ phụ thuộc vào việc xây dựng, chia sẻ, tận dụng và sử dụng tri thức của chính ngân hàng đó. Như vậy, vốn tri thức được tạo ra dựa trên sự kết nối giữa chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực trong và ngoài ngân hàng, là kết quả cuối cùng của quá trình chuyển đổi kiến thức thành sở hữu trí tuệ.

Vốn tri thức được coi là động lực chính tạo ra giá trị và lợi thế cạnh tranh bền vững đã được chứng minh qua các nghiên cứu, như:

- Kamath (2007) nghiên cứu về các ngân hàng của Ấn Độ nhận thấy rằng, có

* TS., ** ThS., *** ThS., Học viện Ngân hàng

Ngày nhận bài: 07/05/2020; Ngày phân biện: 16/05/2020; Ngày duyệt đăng: 26/05/2020

sự khác biệt lớn về giá trị tạo ra bởi vốn tri thức tại các ngân hàng của Ấn Độ; khả năng khai thác vốn tri thức của các ngân hàng nước ngoài tốt hơn các ngân hàng trong nước.

- Yalama và Coskun (2007) phân tích giá trị đóng góp của vốn tri thức tại các ngân hàng niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Istanbul đã tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa vốn tri thức và lợi nhuận tài chính.

- Marr và Roos (2005) tìm ra bằng chứng về mối quan hệ thực nghiệm giữa vốn tri thức và giá trị tạo ra bởi tổ chức. Ý tưởng cơ bản là giá trị được tạo ra thông qua việc tạo điều kiện cho dòng chảy kiến thức trong một tổ chức. Kết quả kiến thức được chuyển thành giá trị dưới dạng vốn con người, vốn cơ cấu và vốn quan hệ.

Lý luận về tác động của vốn tri thức tới kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại

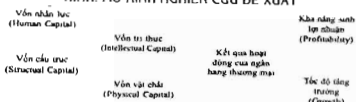
Tác động của vốn tri thức tới kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại được kiểm chứng dựa trên các nghiên cứu đã được công bố, với những nội dung cụ thể:

- Khẳng định có sự ảnh hưởng mạnh và tích cực của vốn tri thức đến kết quả tài chính của các tổ chức tài chính tại Malaysia. Nghiên cứu của Nik Muhammad và Khairu Amin Ismail (2009) đã cho thấy, hệ thống các tổ chức tài chính của Malaysia dựa nhiều vào sự hiệu quả của việc tổ chức, sắp xếp nguồn vốn tri thức để có được kết quả hoạt động tài chính tốt. Hệ thống các tổ chức tài chính ngân hàng Malaysia chịu ảnh hưởng lớn từ việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn tri thức, đi đầu là nhóm ngân hàng, tiếp theo thuộc về nhóm bảo hiểm và các công ty chứng khoán.

- Mối tương quan của vốn tri thức lên kết quả hoạt động của các ngân hàng thương mại thông qua chỉ số Khả năng sinh lời của tài sản (ROA) và Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) là khá mạnh. Nghiên cứu của Kamal và cộng sự (2012) đã kiểm chứng với cỡ mẫu là 18 ngân hàng thương mại ở Malaysia, kết quả thể hiện có sự tương quan ở 2 nhân tố, thuộc về: sử dụng vốn hiệu quả và sử dụng nhân sự hiệu quả.

- Có mối quan hệ tích cực giữa vốn tri thức và kết quả hoạt động tài chính. Nghiên cứu của Ting và Lean (2009) trong lĩnh vực tài chính của Malaysia cho thấy, vốn tri thức đóng vai trò quan trọng đối với kết quả hoạt động của ngân hàng.

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

- Vốn tri thức có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động hiệu quả của các công ty trong cả lĩnh vực tài chính và phi tài chính tại Iran. Nghiên cứu của Janlilian (2013) cho thấy, mối tương quan rõ nét của vốn tri thức với khả năng hoạt động tinh gọn của công ty kể cả về mặt tài chính và phi tài chính. Vốn tri thức đã được đo lường qua các nhân tố: nguồn vốn nhân lực, nguồn vốn cấu trúc và nguồn vốn quan hệ. Kết quả cũng cho thấy, có sự tồn tại mối quan hệ tương quan giữa 3 nhân tố này.

- Từng thành phần của vốn tri thức cũng có tác động tích cực đến kết quả hoạt động của ngân hàng. Nghiên cứu của Mention và Bontis (2013) thu thập dữ liệu từ 200 ngân hàng từ Bỉ và Luxembourg, chỉ ra rằng: vốn nhân lực ảnh hưởng cả trực tiếp, lẫn gián tiếp tới hiệu quả hoạt động; vốn cấu trúc và vốn quan hệ có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

- Vốn nhân lực có ảnh hưởng trong việc quyết định hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Kết luận này được rút ra từ nghiên cứu của Goh (2005) về ngân hàng thương mại Malaysia và nghiên cứu của Joshi và cộng sự (2010) về các ngân hàng của Australia trong giai đoạn 2005-2007. So sánh tác động của từng thành phần thuộc vốn tri thức tác động tới kết quả hoạt động của ngân hàng cho thấy, vốn nhân lực đóng vai trò quan trọng hơn hẳn so với vốn cấu trúc và vốn quan hệ. Do đó, có thể thấy, đầu tư vào hoạt động nhân sự mang lại hiệu quả trong việc cải thiện kết quả kinh doanh của ngân hàng.

Như vậy, tổng quan các nghiên cứu cho thấy, có sự tồn tại của một mối quan hệ tích cực chi tiết giữa vốn tri thức, vốn nhân lực, vốn quan hệ và vốn cấu trúc trong việc tạo ra giá trị cho ngân hàng. Mức độ tác động chi tiết từng thành phần của vốn tri thức lại khác nhau lên kết quả hoạt động của ngân hàng.

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Kế thừa thành quả của các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu kết hợp (dựa trên sự kết hợp mô hình nguồn lực với mô hình giá trị gia tăng) để đánh giá sự tác động của các thành phần vốn tri thức lên kết quả hoạt động của ngân hàng như Hình.

Các biến nghiên cứu

+ Biến phụ thuộc: Là kết quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam được đo bằng Khả năng sinh lợi của tài sản, Vốn Chủ sở hữu (ROA, ROE) và Tốc độ tăng trưởng (GROWTH).

+ Biến độc lập: Vốn tri thức gồm: Vốn nhân lực (HC - Human Capital); Vốn cấu trúc (SC - Structural Capital); Vốn vật chất (CE - Physical Capital).

+ Biến kiểm soát: Quy mô (Size), Dang sở hữu (Owner).
Mô hình có thể mô tả dưới dạng biểu thức:

Kết quả hoạt động của ngân hàng = Đóng góp của (HC + SC + CE)

Thành phần biến độc lập

Vốn tri thức (IC) gồm hai cấu phần là Vốn nhân lực và Vốn cấu trúc (bởi Vốn quan hệ rất khó tiếp cận và đo lường). Phương pháp VAIC được đề xuất để thực hiện nghiên cứu, do có sự thuận lợi trong thu thập dữ liệu về báo cáo tài chính của các ngân hàng. Các dữ liệu từ báo cáo tài chính cho phép so sánh sự khác biệt trong kết quả hoạt động giữa các ngân hàng và giữa các năm với nhau, nhưng lại rất khó để đo lường và tiếp cận với Vốn quan hệ. Do đó, Vốn tri thức ở ngân hàng thương mại trong nghiên cứu này, chỉ được đánh giá qua Vốn nhân lực và Vốn cấu trúc.

Vốn nhân lực (HC) được biểu hiện ra bằng những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và năng lực của các thành viên trong ngân hàng. Vốn này có thể gia tăng thông qua các hoạt động đào tạo. Vốn nhân lực mang tính độc lập tương đối với ngân hàng và khó kiểm soát một cách tuyệt đối. Đây là nguồn lực mang đến lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả hoạt động. Tác động thuận chiều của Vốn tri thức đến hiệu quả hoạt động của tổ chức, được minh chứng tại các nghiên cứu của Chen và cộng sự (2005) cho thấy, kết quả hoạt động của ngân hàng tăng khi nhân viên được gia tăng chuyên môn và kinh nghiệm. Vốn nhân lực có ý nghĩa tác động trực tiếp và tích cực lên kết quả kinh doanh, được minh chứng tại nghiên cứu của Sharabati và cộng sự (2010).

Dựa vào những phân tích từ những nghiên cứu nêu trên, nhóm tác giả đề xuất *Giả thuyết 1: Vốn nhân lực có tác động tích cực đến kết quả hoạt động của ngân hàng.*

Vốn cấu trúc (SC) phản ánh qua năng lực đổi mới được thể hiện dưới các kết quả của đổi mới, quyền tài sản và các sản phẩm dịch vụ mới (Stewart, 1995). Vốn cấu trúc là một loại hình đầu tư vào hệ thống dưới dạng triết lý kinh doanh, các công cụ sử dụng và các quá trình thực hiện công việc; nó phụ thuộc vào năng suất, văn hoá của ngân hàng và khả năng phát triển của chính nó. Vốn cấu trúc được thể hiện dưới dạng: hệ thống các trang thiết bị kết cấu hạ tầng thông tin; hệ thống dữ liệu; phong cách quản lý với những thủ tục và quy trình vận hành cụ thể; văn hoá tổ chức với sự phát huy tính sáng tạo và khuyến khích đổi mới. Vốn cấu trúc là thành phần có tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động của tổ chức được chứng minh trong nghiên cứu của Jardon và Martos (2009) và tác động gián tiếp đến kết quả hoạt động qua Vốn quan hệ (Cabrita và Bontis, 2008).

Kết quả kết quả các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đề xuất *Giả thuyết 2: Vốn cấu trúc có tác động tích cực đến kết quả hoạt động của ngân hàng.*

Vốn vật chất (CE) là dạng vốn được tồn tại dưới hình thức hữu hình của các tài sản như trang thiết bị cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được đo lường bằng lượng vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu. Vốn vật chất cùng Vốn tri thức đóng góp tạo ra giá trị gia tăng cho ngân hàng, nhưng Vốn vật chất có đóng

góp lớn nhất và tác động mang tính tích cực đến kết quả (Joshi và cộng sự 2012).

Từ phân tích trên, nhóm tác giả đề xuất *Giả thuyết 3: Vốn vật chất có tác động tích cực đến kết quả hoạt động của ngân hàng.*

Thành phần biến kiểm soát

Quy mô (Size): Quy mô của ngân hàng thể hiện phạm vi hoạt động, cũng như độ lớn của tổng tài sản ngân hàng, hoặc độ lớn vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Nghiên cứu của Joshi và cộng sự (2012) cho thấy, Quy mô ngân hàng có tác động tích cực lên Khả năng sinh lời của tài sản (ROA) tại ngân hàng; nhưng, Quy mô của ngân hàng tính theo tổng tài sản, tổng lao động và tổng vốn chủ sở hữu có ít hoặc không có tác động đến kết quả hoạt động của vốn tri thức.

Kết thừa nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất *Giả thuyết 4: Có sự khác biệt trong kết quả hoạt động và vốn tri thức tại các ngân hàng có quy mô khác nhau.*

Dạng sở hữu (Owner): Trong thực tế, có thể phân chia các ngân hàng thương mại thành các nhóm, dựa trên sự khác biệt về cấu trúc của vốn chủ sở hữu. Có sự khác biệt lớn về kết quả vốn tri thức giữa các ngân hàng có sở hữu khác nhau ở Ấn Độ (Kamath, 2007), ngân hàng có yếu tố nước ngoài có kết quả vốn tri thức lớn hơn các ngân hàng trong nước.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất *Giả thuyết 5: Có sự khác biệt trong kết quả hoạt động và vốn tri thức tại các ngân hàng có dạng sở hữu khác nhau.*

Thành phần biến phụ thuộc

Kết quả hoạt động của ngân hàng được đánh giá qua các chỉ tiêu thể hiện thông qua các chỉ số tài chính, như: Khả năng sinh lời của tài sản (ROA); Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE); Tốc độ tăng trưởng của doanh số (GROWTH). Trong đó:

ROA: Lợi nhuận trên tài sản (ROA) được sử dụng để đo lường khả năng sinh lợi nhuận từ quan điểm quản lý - chỉ số thường được sử dụng nhất để đo lường mức độ hiệu quả của tài sản.

ROE: Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) được sử dụng kết hợp cùng ROA và GROWTH để đánh giá kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại.

GROWTH: Tốc độ tăng trưởng của doanh số (GROWTH) được so sánh bởi doanh số của năm sau so với năm trước. Tốc độ này phản ánh khả năng

tăng trưởng doanh số, khả năng mở rộng quy mô và thu hút khách hàng của ngân hàng. Giá trị càng cao cho thấy kết quả hoạt động của ngân hàng càng tốt.

KẾT LUẬN

Mô hình lý thuyết cho thấy, vai trò quan trọng của vốn tri thức đối với kết quả hoạt động của tổ chức; là cơ sở để

phân tích và lượng hoá các mối quan hệ của vốn tri thức tác động tới kết quả hoạt động của ngân hàng. Vận dụng mô hình lý thuyết vào phân tích sẽ cung cấp cho ngân hàng bức tranh về sử dụng tài nguyên vốn tri thức, để có những chiến lược quản lý và khai thác hiệu quả hơn nữa loại vốn vô hình này. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp mô hình và giả thuyết nghiên cứu. Để có những đánh giá cụ thể, thì các ngân hàng thương mại cần áp dụng phân tích với dữ liệu thực tế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bontis, N. (1998). Intellectual capital: and exploratory study that develops measures and models, *Management Decision*, 36(2), 63-76
2. Brian A. Jacob (2005). Accountability, incentives and behavior: the impact of high-stakes testing in the Chicago Public Schools, *Journal of Public Economics*, 89, 761-796
3. Cabrita, M. D. R., and Bontis, N. (2008). Intellectual capital and business performance in the Portuguese banking industry, *International Journal of Technology Management*, 43(1-3), 212-237
4. Chen, M.C., Cheng, S. and Hwang, Y. (2005). An empirical investigation of the relationship between intellectual capital and firms' market value and financial performance, *Journal of Intellectual Capital*, 6 (2), 159-176
5. Drucker, P. (1993). *Post-capitalist Society*, Harper Collins, New York, NY
6. F. Jardón, C. M., and Martos, M. S. (2009). Intellectual capital and performance in wood industries of Argentina, *Journal of Intellectual Capital*, 10(4), 600-616
7. Goh, P.K. (2005). Intellectual capital performance of commercial banks in Malaysia, *Journal of Intellectual Capital*, 6(3), 385-396
8. HamidReza Jalilian (2013). Investigate the Relationship between Intellectual Capital and Company Performance, *Scientific Journal of Pure and Applied Sciences*, 2(12), 379-385
9. Jalilian, O., Hassani, S. R., Ghanbari, M., Jalilian, H. R., and Moradi, M. (2013). The Relationship between Intellectual Capital and Financial and Non-Financial Performance in West Cement Company in Kermanshah, *Journal of Basic and Applied Scientific Research*, 3(6), 427-432
10. Jardon, C. and Martos, M. (2009). Intellectual Capital and Performance in Wood Industries of Argentina, *Journal of Intellectual Capital*, 10, 600-616
11. Joshi, M., Cahill, D. and Sidhu, J. (2010). Intellectual capital performance in the banking sector: an assessment of Australian owned banks, *Journal of Human Resource Costing and Accounting*, 14 (2), 151-170
12. Joshi, M., Ubha, D. S., and Sidhu, J. (2012). Intellectual capital disclosures by Indian and Australian information technology companies, *Journal of Intellectual Capital*, 13(4), 582-598
13. Kamal, M. H. M., Mat, R. C., Rahim, N. A., Husin, N., and Ismail, I. (2012). Intellectual capital and firm performance of commercial banks in Malaysia, *Asian Economic and Financial Review*, 2(4), 577-590
14. Kamath, G. B. (2007). The intellectual capital performance of Indian banking sector, *Journal of Intellectual Capital*, 8(1), 96-123
15. Lev, B. (2001). *Intangibles-management, measurement and reporting*. Washington: The Brookings Institution, D.C. 20036
16. Nik Muhammad and Khairu Amin Ismail (2009). Intellectual Capital Efficiency and Firm's Performance: Study on Malaysian Financial Sectors, *International Journal of Economics and Finance*, 1(2), 206-212
17. Marr, B., and Roos, G. (2005). *A Strategy perspective on intellectual capital*. In B. Marr (Ed.), *Perspective on intellectual capital, Multidisciplinary insights into management, measurement and reporting*
18. Mention, A., and Bontis, N. (2013). Intellectual capital and performance within the banking sector of Luxembourg and Belgium, *Journal of Intellectual Capital*, 14(2), 286-309
19. Sharabati, A. A. A., Jawad, S. N., and Bontis, N. (2010). Intellectual capital and business performance in the pharmaceutical sector of Jordan, *Management decision*, 48(1), 105-131
20. Stewart, T.A. (1995). Trying to grasp the intangible, *Fortune*, 157-161
21. Ting, I.W.K. and Lean, H. H. (2009). Intellectual capital performance of financial institutions in Malaysia, *Journal of Intellectual Capital*, 10(4), 588-599
22. Yalama, A. and Coskun, M. (2007). Intellectual capital performance of quoted banks on the Istanbul stock exchange market, *Journal of Intellectual Capital*, 8(2), 256-271